hùn hé wù

混合物

noun · mixture

Example Sentences

Shuǐ hé yóu bù néng xíng chéng wěn dìng de hùn hé wù
水 和 油 不 能 形 成 稳 定 的 混 合 物。

Water and oil cannot form a stable mixture.

zhè zhǒng hùn hé wù zài huà xué shí yàn zhōng hěn cháng jiàn
这 种 混 合 物 在 化 学 实 验 中 很 常 见。

This kind of mixture is very common in chemistry experiments.

Trace each character, then write the word on your own.

混 混 混 混 混 混 混 混 混 混 混
混 混 混

合 合 合 合 合 合 合 合 合

物 物 物 物 物 物 物 物 物 物 物